

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2024./GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 1071/BQLDDCN-ĐHDA4 ngày 14 tháng 4 năm 2026 và hồ sơ kèm theo Văn bản số 1478/BQLDDCN-ĐHDA4 ngày 26 tháng 05 năm 2026 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, phường Nam Đồ Sơn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 405/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 5 năm 2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng (địa chỉ trụ sở chính tại số 30 Lý Tự Trọng,

Phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, phường Nam Đồ Sơn với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, phường Nam Đồ Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Đồ Sơn và phường Nam Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

1.3. Quyết định thành lập: Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc tổ chức lại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng Hải Phòng thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng.

1.4. Mã số thuế: 0202277815

1.5. Loại hình hoạt động: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư đồng bộ theo quy hoạch được duyệt để bố trí chỗ ở tái định cư cho các hộ dân để thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án giao thông, dự án sạt lở, các dự án trọng điểm giai đoạn 2026 – 2030 (theo Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 5/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, phường Nam Đồ Sơn).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích khoảng 168.318,81m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn: tổng diện tích là 120.000m<sup>2</sup> bao gồm đất Khu tái định cư là 104.408,67m<sup>2</sup> (trong đó: đất ở là 54.864,70m<sup>2</sup>, đất giáo dục là 3.836,97m<sup>2</sup>, đất cây xanh là 7.430,28m<sup>2</sup>, đất công trình hạ tầng kỹ thuật là 520,22m<sup>2</sup>, đất bãi đỗ xe là 2.818,07m<sup>2</sup>, đất giao thông là 34.938,43m<sup>2</sup>) và đất giao thông đối ngoại là 15.591,33m<sup>2</sup> (theo Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 23/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn).

+ Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn: tổng diện tích là 48.318,81m<sup>2</sup> bao gồm đất ở là 28.027,89m<sup>2</sup>, đất giáo dục là 1.196,69m<sup>2</sup>, đất cây xanh là 2.877,48m<sup>2</sup>, đất công trình hạ tầng kỹ thuật là

585,00m<sup>2</sup>, đất bãi đỗ xe là 576,00m<sup>2</sup>, đất giao thông là 15.055,77m<sup>2</sup> (theo Văn bản số 548/UBND-KTHTĐT ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Nam Đồ Sơn về việc chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn)

- Nhóm Dự án: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Công suất:

+ Hạng mục công trình chủ yếu: xây dựng tuyến đường theo quy hoạch kết nối khu tái định cư; san lấp mặt bằng; xây dựng đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, cấp nước, hệ thống cấp điện, trạm biến áp, chiếu sáng; di chuyển, hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng trong quá trình thực hiện Dự án (theo Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 5/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, phường Nam Đồ Sơn).

+ Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn: tổng dân số là 2.996 người (theo Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 23/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn)

+ Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn: tổng dân số 1.464 người (theo Văn bản số 548/UBND-KTHTĐT ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Nam Đồ Sơn về việc chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn)

+ Tổng mức đầu tư: 456.039.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu tỷ, không trăm ba mươi chín triệu đồng chẵn) (theo Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 5/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, phường Nam Đồ Sơn).

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 29 tháng 5 năm 2036).

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các phường: Đồ Sơn, Nam Đồ Sơn;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Công Thông tin điện tử TP (để đăng tải công khai Giấy phép môi trường);
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Quân**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2024/GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 2.996 người dân được bố trí tái định cư tại 749 lô đất nhà ở liền kề và 01 trường mầm non tại Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 1.464 người dân được bố trí tái định cư tại 366 lô đất nhà ở liền kề và 01 trường mầm non tại Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn.

**2. Dòng nước xả thải vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

*2.1. Dòng nước thải số 01 (Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn)*

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Họng (theo Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 23/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn; Văn bản số 1828/UBND-KT,HT&ĐT ngày 22/5/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn về việc thỏa thuận đầu nối bổ sung tuyến cống D1500 (D2) thoát nước mưa, nước thải sau xử lý tại Dự án Khu nhà ở Ngọc Xuyên và Khu tái định cư Đồ Sơn; Văn bản số 48/PĐ-PTDA ngày 25/5/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh địa ốc Phương Đông về việc phản hồi phương án đầu nối hệ thống thoát nước Khu tái định cư phường Đồ Sơn).

**2.1.2. Vị trí xả nước thải:**

- Tại vị trí hố ga xả nước thải cuối cùng của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn trước khi đầu nối vào tuyến cống D1500 (Tuyến D2) tại khu cây xanh cách ly sát Khu công nghiệp Đồ Sơn (ô đất có ký hiệu V.1-24-X4 trong Quy hoạch phân khu quận Đồ Sơn), song song với tuyến D1500 thứ 1 (Tuyến D1) đã được Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn chấp thuận thi công tạm tại Văn bản số 2075/UBND-KT,HT&ĐT ngày 18/12/2025; 02 tuyến cống D1500 (D1 và D2) do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Phương Đông triển khai thi công và hoàn thành trong Quý IV/2026 (Theo Văn bản số 1828/UBND-KT,HT&ĐT ngày 22/5/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn về việc thỏa thuận đầu nối bổ sung tuyến cống D1500 (D2) thoát nước mưa, nước thải sau xử lý tại Dự án Khu nhà ở Ngọc Xuyên và Khu tái định cư Đồ Sơn).

- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X(m) = 2293215.694$ ;  $Y(m) = 605364.590$  (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.1.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:  $650m^3$ /ngày đêm.

2.1.4. Phương thức xả thải:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường được bơm cưỡng bức qua đường ống HDPE D300 tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $650 m^3$ /ngày ra hố ga xả nước thải cuối cùng của Khu tái định cư và đầu nối vào tuyến cống D1500 (Tuyến D2) tại khu cây xanh cách ly sát Khu công nghiệp Đồ Sơn (ô đất có ký hiệu V.1-24-X4 trong Quy hoạch phân khu quận Đồ Sơn) dẫn về kênh Công Than và thoát ra sông Hạng (Theo Văn bản số 1828/UBND-KT,HT&ĐT ngày 22/5/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn về việc thỏa thuận đầu nối bổ sung tuyến cống D1500 (D2) thoát nước mưa, nước thải sau xử lý tại Dự án Khu nhà ở Ngọc Xuyên và Khu tái định cư Đồ Sơn; Văn bản số 48/PĐ-PTDA ngày 25/5/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh địa ốc Phương Đông về việc phản hồi phương án đầu nối hệ thống thoát nước Khu tái định cư phường Đồ Sơn) theo phương thức xả mặt, xả ven bờ.

2.1.5. Chế độ xả nước thải:

- Liên tục (24 giờ) trong trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn từ  $162,5m^3$ /ngày đêm trở lên.

- Gián đoạn (theo mẻ) trong trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung dưới  $162,5m^3$ /ngày đêm.

2.1.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B, Bảng 1,  $F \leq 2.000$ ). Cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6÷9	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số	Không thuộc đối tượng lắp đặt theo Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>o</sup> C)	mg/l	≤40		
3	COD	mg/l	≤90		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤60		
5	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	≤8,0		
6	Tổng Nitơ	mg/l	≤30		
7	Tổng Phốt pho	mg/l	≤6,0		

8	Tổng coliform	MPN hoặc CFU/ 100mL	$\leq 5.000$	05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP
9	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/l	$\leq 0,5$	
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	$\leq 15$	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	$\leq 5,0$	

2.2. Dòng nước thải số 02 (Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn)

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Họng (theo Văn bản số 1665/UBND-KH,HT&ĐT ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn về việc xác định điểm tiếp nhận nước mưa, nước thải của hệ thống thoát nước Khu tái định cư trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn thuộc Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, phường Nam Đồ Sơn).

2.2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại vị trí hố ga xả nước thải cuối cùng của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn trước khi đầu nối vào tuyến cống thoát nước chung D1000 hiện trạng dọc đường phía Tây khu vực Dự án dẫn ra kênh Đồng Thổ 1 thoát ra sông Họng (theo Văn bản số 1665/UBND-KH,HT&ĐT ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn về việc xác định điểm tiếp nhận nước mưa, nước thải của hệ thống thoát nước Khu tái định cư trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn thuộc Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, phường Nam Đồ Sơn).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2293932.912; Y(m) = 604170.969 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 320m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.4. Phương thức xả thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường được bơm cưỡng bức qua đường ống HDPE D300 tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 320 m<sup>3</sup>/ngày ra hố ga xả nước thải cuối cùng của Khu tái định cư và đầu nối vào tuyến cống thoát nước chung D1000 hiện trạng dọc đường phía Tây khu vực Dự án dẫn ra kênh Đồng Thổ 1 thoát ra sông Họng (theo Văn bản số 1665/UBND-KH,HT&ĐT ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn về việc xác định điểm tiếp nhận nước mưa, nước thải của hệ thống thoát nước Khu tái định cư trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn thuộc Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, phường Nam Đồ Sơn) theo phương thức xả mặt, xả ven bờ.

### 2.2.5. Chế độ xả nước thải:

- Liên tục (24 giờ) trong trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn từ 80m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.

- Gián đoạn (theo mẻ) trong trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung dưới 80m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B, Bảng 1, F≤2.000). Cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6÷9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng lắp đặt theo Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	≤40		
3	COD	mg/l	≤90		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤60		
5	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	≤8,0		
6	Tổng Nitơ	mg/l	≤30		
7	Tổng Phốt pho	mg/l	≤6,0		
8	Tổng coliform	MPN hoặc CFU/100mL	≤5.000		
9	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/l	≤0,5		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤5,0		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ bồn cầu sau thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại cùng nước thải sinh hoạt khác theo đường ống thu gom nước thải dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, công suất 650m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ bồn cầu sau thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại cùng nước thải sinh hoạt khác theo đường ống thu gom nước thải dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn, công suất 320m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, công suất 650m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ

+ Dự án sẽ vận hành hoạt động của 01 Module, công suất 325m<sup>3</sup>/ngày đêm trong trường hợp Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn bắt đầu phát sinh nước thải sinh hoạt, cụ thể:

Nước thải phát sinh từ bồn cầu sau thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại + nước thải sinh hoạt khác → 01 Bể thu gom chung của cả hệ thống → 01 Bể điều hòa chung của cả hệ thống → 01 Bể thiếu khí của Module 1 → 01 Bể hiếu khí của Module 1 → 01 Bể lắng của Module 1 → 01 Bể khử trùng chung của cả hệ thống → hồ ga xả nước thải cuối cùng của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn → tuyến cống D1500 (Tuyến D2) tại khu cây xanh cách ly sát Khu công nghiệp Đồ Sơn (ô đất có ký hiệu V.1-24-X4 trong Quy hoạch phân khu quận Đồ Sơn) → kênh Cống Than → sông Hạng.

+ Dự án sẽ vận hành hoạt động đồng thời cả 02 Module trong trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung từ 325m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên, cụ thể:

Nước thải phát sinh từ bồn cầu sau thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại + nước thải sinh hoạt khác → 01 Bể thu gom chung của cả hệ thống → 01 Bể điều hòa chung của cả hệ thống → 02 Bể thiếu khí của 02 Module → 02 Bể hiếu khí của 02 Module → 02 Bể lắng của 02 Module → 01 Bể khử trùng chung của cả hệ thống → hồ ga xả nước thải cuối cùng của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn → tuyến cống D1500 (Tuyến D2) tại khu cây xanh cách ly sát Khu công nghiệp Đồ Sơn (ô đất có ký hiệu V.1-24-X4 trong Quy hoạch phân khu quận Đồ Sơn) → kênh Cống Than → sông Hạng.

Một phần bùn tại bể lắng được tuần hoàn lại về ngăn thiếu khí, phần bùn còn lại được lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Khí thải phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung áp dụng biện pháp thông gió cưỡng bức bằng quạt hút (công suất quạt hút: 2.000m<sup>3</sup>/giờ) kết hợp

biện pháp hấp phụ bằng than hoạt tính (hoặc hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm) trước khi qua ống thải xả thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 650m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javel, dinh dưỡng (Mật mía hoặc Methanol hoặc hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn, công suất 320m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ

+ Dự án sẽ vận hành hoạt động của 01 Module, công suất 160m<sup>3</sup>/ngày đêm trong trường hợp Dự án bắt đầu có phát sinh nước thải sinh hoạt, cụ thể:

Nước thải phát sinh từ bồn cầu sau thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại + nước thải sinh hoạt khác → 01 Bể thu gom chung của cả hệ thống → 01 Bể điều hòa chung của cả hệ thống → 01 Bể thiếu khí của Module 1 → 01 Bể hiếu khí của Module 1 → 01 Bể lắng của chung của cả hệ thống → 01 Bể khử trùng chung của cả hệ thống → hồ ga xả nước thải cuối cùng của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn → cống thoát nước chung D1000 → kênh Đồng Thổ 1 → sông Họng.

+ Dự án sẽ vận hành hoạt động đồng thời cả 02 Module trong trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung từ 160m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên, cụ thể:

Nước thải phát sinh từ bồn cầu sau thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại + nước thải sinh hoạt khác → 01 Bể thu gom chung của cả hệ thống → 01 Bể điều hòa chung của cả hệ thống → 02 Bể thiếu khí của 02 Module → 02 Bể hiếu khí của 02 Module → 01 Bể lắng của chung của cả hệ thống → 01 Bể khử trùng chung của cả hệ thống → hồ ga xả nước thải cuối cùng của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn → cống thoát nước chung D1000 → kênh Đồng Thổ 1 → sông Họng.

Một phần bùn tại bể lắng được tuần hoàn lại về ngăn thiếu khí, phần bùn còn lại được lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Khí thải phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung áp dụng biện pháp thông gió cưỡng bức bằng quạt hút (công suất quạt hút: 1.000m<sup>3</sup>/giờ) kết hợp biện pháp hấp phụ bằng than hoạt tính (hoặc hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm) trước khi qua ống thải xả thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 320m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javel, dinh dưỡng (Mật mía hoặc Methanol hoặc hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng bắt buộc phải lắp đặt (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ, lắp đặt biển tên các bể xử lý để thuận tiện trong quá trình theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí cán bộ đã được đào tạo, tập huấn về chuyên môn để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã được xây dựng.

- - Bố trí đồng hồ đo lưu lượng nước đầu vào, đầu ra, máy phát điện dự phòng cho hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống công nghệ, máy móc, thiết bị; kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Máy móc trong hệ thống xử lý nước thải được thiết kế theo nguyên tắc hoạt động luân phiên (01 máy chạy, 01 máy dự phòng). Lập kế hoạch mua sắm thiết bị dự phòng để sẵn sàng thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu: nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục ngay, và các bể xử lý không còn khả năng lưu chứa, Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom nước thải từ các bể để vận chuyển, xử lý theo quy định; tuyệt đối không xả nước thải xử lý chưa đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung ((Cột A, Bảng 1,  $F \leq 2.000$ ) ra môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, công suất 650m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn, công suất 320m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Đối với trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, công suất 650m<sup>3</sup>/ngày đêm:

+ Vị trí lấy mẫu đầu vào: tại bể thu gom nước thải.

+ Vị trí lấy mẫu đầu ra: tại hố ga xả nước thải cuối cùng của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn.

- Đối với trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn, công suất 320m<sup>3</sup>/ngày đêm:

+ Vị trí lấy mẫu đầu vào: tại bể thu gom nước thải.

+ Vị trí lấy mẫu đầu ra: tại hố ga xả nước thải cuối cùng của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.1.6 Phần A (đối với Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, công suất 650m<sup>3</sup>/ngày đêm), Mục 2.2.6 Phần A (đối với Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn, công suất 320m<sup>3</sup>/ngày đêm) của Phụ lục này.

#### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải đảm bảo ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.1.6 Phần A (đối với Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, công suất 650m<sup>3</sup>/ngày đêm), Mục 2.2.6 Phần A (đối với Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn, công suất 320m<sup>3</sup>/ngày đêm) của Phụ lục này và dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Vận hành thử nghiệm 02 trạm xử lý nước thải, công suất 650 m<sup>3</sup>/ngày đêm và 320m<sup>3</sup>/ngày đêm theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

3.4. Bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án. Việc vận hành các trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung gồm: lưu lượng (đầu vào, đầu ra); các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh. Thực hiện chuyển giao bùn thải cho đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.

3.5. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ Dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường, quy hoạch, xây dựng theo quy định.

3.6. Thực hiện giám sát định kỳ chất lượng nước thải theo quy định.

3.7. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước công trình thủy lợi, Chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.8. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường được cấp.



**Phụ lục 2**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2024/GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Khu vực đặt trạm xử lý nước thải (máy thổi khí, máy bơm, máy phát điện dự phòng) của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, công suất 650m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 2: Khu vực đặt trạm xử lý nước thải (máy thổi khí, máy bơm, máy phát điện dự phòng) của Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn, công suất 320m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng, giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn (đơn vị: dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06h00 đến trước 18h00	Từ 18h00 đến trước 22h00	Từ 22h00 đến trước 06h00		
1	55	50	45	-	Khu vực B
QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn					

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng, giá trị tối đa cho phép đối với và mức rung (đơn vị: dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06h00 đến trước 22h00	Từ 22h00 đến trước 06h00		
1	65	60	-	Khu vực B
QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Các máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật.

- Thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo máy móc luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2024/GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: dự kiến khoảng 3.520kg/năm; trong đó Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn phát sinh khoảng 2.360kg/năm, Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn phát sinh khoảng 1.160 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: dự kiến khoảng 110,76 tấn/năm; trong đó Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn phát sinh khoảng 74,59 tấn/năm, Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn phát sinh khoảng 36,17 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: dự kiến khoảng 2.344 tấn/năm; trong đó Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn phát sinh khoảng 1.583 tấn/năm, Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn phát sinh khoảng 761 tấn/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: dự kiến khoảng 995 kg/năm; trong đó Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn phát sinh khoảng 662 kg/năm, Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn phát sinh khoảng 333 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Đối với khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn

2.1.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa: bố trí 01 khu vực lưu chứa chất thải nguy hại trong nhà điều hành trạm xử lý nước thải.

- Diện tích: khoảng 5m<sup>2</sup>.

2.1.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bùn phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung được lưu chứa tại bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.1.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy đảm bảo không rò rỉ nước thải ra môi trường, dung tích khoảng 240lit/thùng để thu gom, phân loại, lưu chứa riêng biệt 03 nhóm chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực cây xanh, hạ tầng kỹ thuật, bãi đỗ xe, đường giao thông, cụ thể: thùng màu xanh lá cây: chứa rác thải thực phẩm; thùng màu trắng/trong suốt: chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; thùng màu xám: chứa rác thải sinh hoạt khác.

2.1.4. Chủ dự án cam kết quản lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.2. Đối với khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn

2.2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa: bố trí 01 khu vực lưu chứa chất thải nguy hại trong nhà điều hành trạm xử lý nước thải.

- Diện tích: khoảng 5m<sup>2</sup>.

2.2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bùn phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung được lưu chứa tại bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy đảm bảo không rò rỉ nước thải ra môi trường, dung tích khoảng 240lit/thùng để thu gom, phân loại, lưu chứa riêng biệt 03 nhóm chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực cây xanh, hạ tầng kỹ thuật, bãi đỗ xe, đường giao thông, cụ thể: thùng màu xanh lá cây: chứa rác thải thực phẩm; thùng màu trắng/trong suốt: chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; thùng màu xám: chứa rác thải sinh hoạt khác.

2.2.4. Chủ dự án cam kết quản lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường và phù hợp với nội

dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



## Phụ lục 4

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2024/GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025; Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TTBNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 9/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù thiệt hại, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chủ Dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi

trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

8. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của chính quyền địa phương./.

---